

TÓM TẮT

tại 40 xã thuộc 8 huyện của tỉnh Điện Biên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, độ che phủ rừng của các xã thái rừng tăng lên chủ yếu là rừng phục hồi và rừng trồng. Diện tích các kiểu trạng thái rừng giảm là rừng lâm tăng/giảm rừng: (1) Nguyên nhân làm cho diện tích rừng tăng lên, bao gồm: quy hoạch bảo vệ rừng nhiên Mường Nhé chiếm 1,25%; trong rừng theo chương trình 661 chiếm 5,05%; và trong cây cao su sức chiếm 1,19%. Các nguyên nhân sâu xa (gián tiếp) làm mất rừng: dân số tăng nhanh; di dân; thiếu đất việc mất rừng tại các khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: Điện Biên rừng, độ che phủ, mất rừng, REDD+, tăng rừng.

Điện Biên là tỉnh miền núi nằm ở phía nghiệp và có khả năng phát triển sản xuất họ đất lâm nghiệp, chiếm 63,01% diện tích tự nhiên của tỉnh. Tổng diện tích đất có rừng 66,04% đất lâm nghiệp và đạt tỷ lệ che phủ chiếm 96,58% đất có rừng; rừng trồng là Biểu hiện nay là rừng phòng hộ. Đất chưa sử dụng của Điện Biên còn rất lớn, tới tự nhiên, trong đó chủ yếu là đất dốc chỉ có xác định là nguồn tài nguyên quý giá, một the tỉnh. Trước bối cảnh biến đổi khí hậu

giảm thiểu những tác động tiêu cực của kiến giảm mất rừng và suy thoái rừng tỉnh đặc biệt quan tâm. Đã có thể REDD+ được những giải pháp cho thực hiện REDD+ diện biến tài nguyên rừng, các nguyên nhân (tăng/giảm). Mục đích của nghiên cứu này rừng/suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là mất tăng rừng) tại các khu vực khác nhau thuộc những chính sách và các giải pháp sẽ được thực tế tại tỉnh Điện Biên trong quá trình

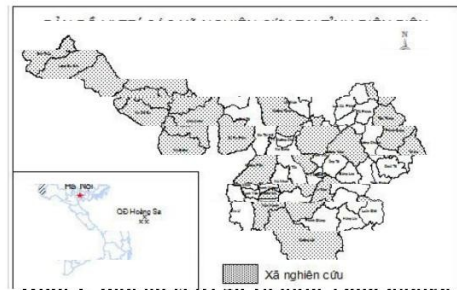
PHÁP NGHIÊN CỨU

tương nghiên cứu bao gồm: (i) Diện tích năm 2000 đến nay; (ii) Các nguồn nhân dân

nhiệm. Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại 40 xã thuộc 8 huyện thị trong toàn

Mường Nhé, Nậm Pồ, Tủa Chùa, Tuần Giáo,

- Về thời gian: Nghiên cứu tập trung nhân



cứu thuộc 8 huyện ở Điện Biên

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP SỐ 2, 2014

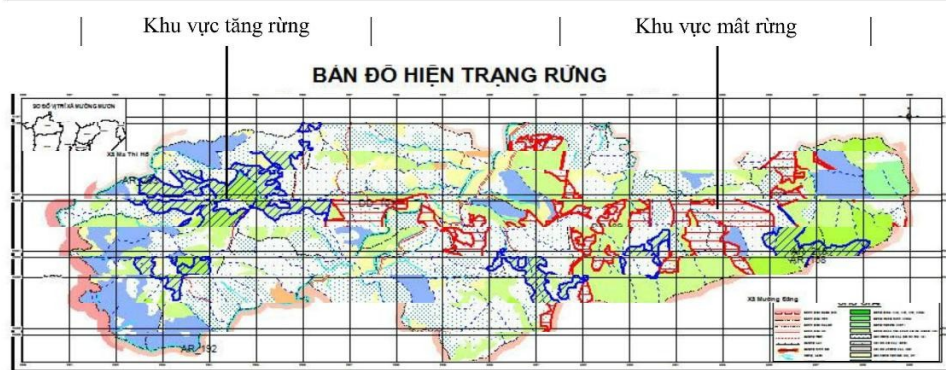
Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong quá trình thu thập và xử lý số liệu thông tin thứ cấp; phương pháp thu thập khảo sát thực tế các khu rừng ngoài biên

thân, thông tin đối với các địa phương khác. Nghiên cứu về thu nhập các nông dân về rừng và môi trường sinh sống.

rừng, nghiên cứu đã sử dụng công cụ GIS để các xã được chọn nghiên cứu vào các thời điểm khác nhau năm 2000, 2010 và 2013.

làm tăng rừng, mất rừng và mức độ ảnh hưởng. Nghiên cứu đã sử dụng công cụ ArcGIS

vực tăng rừng được ký hiệu là AR số thứ tư không có rừng và năm 2000. Từ năm 2000 đến nay, diện tích rừng đã được khôi phục (là khu vực hiện nay là không còn rừng).



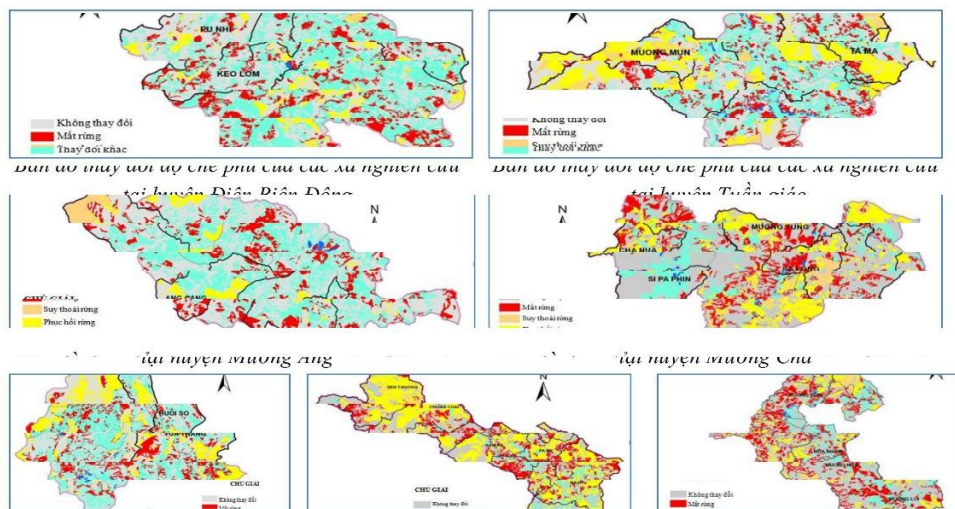
Hình 2. Bản đồ diễn biến rừng thể hiện các khu vực tăng/mất rừng theo đơn vị xã

huyện nghiên cứu 20 khu vực có diện tích rừng đi, mỗi khu vực có diện tích từ 100 ha trở lên. nghiên cứu đã tiến hành xác định vị trí ngoài thực địa, khảo sát hiện trường và phỏng vấn phỏng vấn ra các hộ xã, gia đình, trường học, công nhân tại khu vực, với mỗi khu vực để ước lượng các biến động của diện tích rừng tăng và mất rừng tại các

nhân làm tăng/giảm rừng, tại mỗi khu vực phần trăm diện tích rừng tăng lên hoặc mất đi nhân làm tăng/giảm rừng theo diện tích rừng

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

Theo kết quả phân tích GIS các bản đồ hiện của các xã nghiên cứu theo từng huyện được



của các xã nghiên cứu tại xã nghiên cứu tại khu vực huyện các xã nghiên cứu tại huyện

Hình 3. Bản đồ thay đổi độ che phủ của 40 xã nghiên cứu ở Điện Biên

			Năm 1997	Năm 1997	Năm 1997	Tỷ lệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	=(6)-(4)	(7)
2	Chieng Sơ	Điện Biên Đông	9,58	20,18	20,06	10,48	Rừng phục hồi và rừng nghèo
7	Na Són	Điện Biên Đông	1,07	17,27	12,00	11,70	Rừng phục hồi và rừng gỗ-nửa
5	Nà Sáy	Tuần Giáo	22,67	24,70	24,20	0,27	Rừng nghèo bãi
8	Quai Càng	Tuần Giáo	19,48	24,50	23,90	4,42	Rừng phục hồi và rừng trồng
10	Quai Càng	Mường Ảng	11,71	23,31	24,10	12,17	Rừng phục hồi và rừng trồng
11	Mường Điện	Mường Ảng	7,40	20,27	22,20	24,70	Rừng phục hồi
13	Hừa Ngải	Mường Chà	30,72	39,30	40,24	9,52	Rừng phục hồi
16	Sa Lông	Mường Chà	36,27	48,62	46,48	10,31	Rừng phục hồi và rừng nửa hồi
18	Thôn Sín	Mường Nhé	24,33	44,86	44,06	6,67	Rừng phục hồi
19	Leng Su Sín	Mường Nhé	62,57	63,86	61,01	-1,56	Rừng phục hồi
21	Mường Toong	Mường Nhé	43,19	47,79	75,35	32,16	Rừng phục hồi và rừng trồng
23	Nậm Yì	Mường Nhé	50,99	45,92	48,55	-2,44	Rừng trung bình và rừng gỗ - tre nửa
25	Quảng Lâm	Mường Nhé	24,31	42,01	44,72	10,42	Rừng phục hồi
27	Sín Thầu	Mường Nhé	57,21	53,45	53,83	-3,38	Rừng trung bình, rừng nghèo và rừng TN
29	Sí Pa Phìn	Nậm Pồ	4,50	2,72	2,73	-1,77	Rừng nghèo và rừng trồng
31	Na Bung	Nậm Pồ	36,79	23,68	25,89	-10,90	Rừng giàu và rừng trung bình
33	Nà Hỷ	Nậm Pồ	44,60	31,82	27,50	-17,10	Rừng trung bình và rừng nghèo
35	Pa Tân	Nậm Pồ	40,27	56,55	58,81	18,54	Rừng phục hồi
37	Mường Pôn	Điện Biên	33,38	47,80	51,00	17,62	Rừng phục hồi và rừng trồng
39	Thanh An	Điện Biên	2,10	13,19	24,00	21,84	Rừng phục hồi và rừng trồng

phủ rừng tăng lên chủ yếu là do tăng lên về cơ sở che phủ rừng giảm xuống chủ yếu là do nhiên liệu và rừng bị khai thác - trồng lại. Chỉ thấy sự phân bố diện tích rừng giảm đi, nhưng về cơ bản thì các xã đều tăng mạnh, từ 0-13%.

Huyện Tuần Giáo: Trong 5 xã nghiên cứu tăng từ 0,7-11,3% và đạt độ che phủ từ 24-30% thì độ che phủ rừng giảm tương ứng là 15,30% lớn do sự thay đổi của rừng nghèo nàn, nơi xa cò có thể có trữ lượng gỗ cao như rừng trồng hình

Huyện Mường Ảng: Mặc dù tỷ lệ che phủ rất nhiều so với năm 2000. Trong đó, xã Ảng này phân bố là do sự tăng lên của rừng nghèo nàn, huyện Mường Ảng: Hầu hết các xã có tỷ lệ phân bố che phủ ở xã Mường Ảng là giảm đi, nhưng nhìn chung thì diện tích rừng tăng lên và rừng trồng.

về che phủ rừng chủ yếu xảy ra ở trạng thái Huỗi Xó suy giảm khá mạnh vào năm 2010 với 34,67% diện tích đất có rừng). Tuy nhiên

năm 2000, các kiểu trạng thái rừng tăng lên ở Tủa Thàng tăng 6,63% so với năm 2000.

Huyện Mường Ảng: Kết quả phân tích cho thấy hiện nay bị giảm từ 1-22%, tại xã Mường Ảng che phủ rừng tăng, đang ưu ý ra xã Mường Ảng năm 2000 và 2010 lên tới trên 50%. Các hình thức rừng nghèo nàn, khai thác - trồng lại. Chỉ thấy sự phân bố diện tích rừng giảm đi, nhưng về cơ bản thì các xã đều tăng mạnh, từ 0-13%.

Huyện Mường Ảng: Hầu hết các xã có tỷ lệ phân bố che phủ ở xã Mường Ảng là giảm đi, nhưng nhìn chung thì diện tích rừng tăng lên và rừng trồng.

3.2. Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi độ

phủ rừng ở huyện Mường Ảng

Để xác định nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi độ che phủ rừng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực địa, phỏng vấn cán bộ, người dân và khảo sát các diện tích rừng tăng lên và 20 khu vực có phép xác định chính xác nguyên nhân dẫn đến sự

Trong 20 khu vực có diện tích rừng tăng có nhau giữa bản đồ và thực tế. Trong bản đồ thay đổi diện tích rừng theo hiện trạng, vào năm 2010

vậy, trong 20 khu vực tiến hành nghiên cứu thì do là vào năm 2000 các khu vực này không có. Nguyên cứu đã tiến hành vào dưới bản đồ hiện

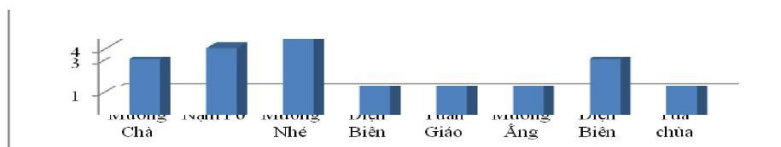


Bản đồ hiện trạng rừng xã Mường Tùg năm 2000

Bản đồ hiện trạng rừng xã Mường Tùg năm 2010

thực tế tại 19 khu vực đại diện có diện tích nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ở

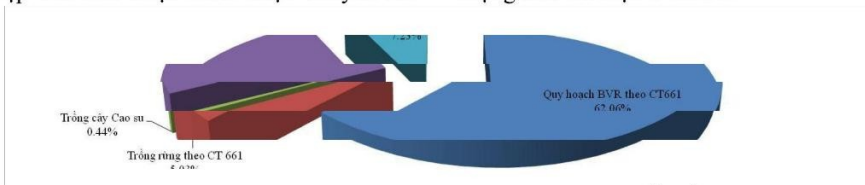
hoạch khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé. nguyên nhân chủ yếu cùng tác động làm tăng



Diên Biên. Chương trình 661 được thực hiện. Diên Biên là một trong những tỉnh trọng điểm động thực hải rừng và trồng rừng được thực
rẫy ở những nơi có điều kiện không thuận lợi
sống, nhằm mục đích bảo vệ nguồn nước và
nơi trong tỉnh. Một nguyên nhân khác làm
nghiệp của tỉnh Diên Biên được chuyển đổi

diện tích trồng Cao su lớn như Điện Biên, Ngoài ra, còn nguyên nhân khác làm tăng Mùòng Nhé tập trung ở huyên Mùòng Nhé.

nhau làm cho diện tích rừng tăng lên, có nhiều, có nguyên nhân làm cho diện tích rừng từng nguyên nhân làm cho diện tích rừng lượng hóa thể hiện ở hình 6.



Hình 6. Tỷ lệ % mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến tăng rừng

Nguồn nhân chính làm giảm rừnơ chử vừn
661 đừc triển khai tại các địa phương mà
chiếm tỷ lệ 62.06%, tiếp đến là do bỏ hỏ

thiên nhiên Mường Nhé (7,23%) Các loài vượn
lê nhợ, báo, hổ, Trăn, rắn, thằn lằn, chồn, chuột
(chiếm 0,44%).



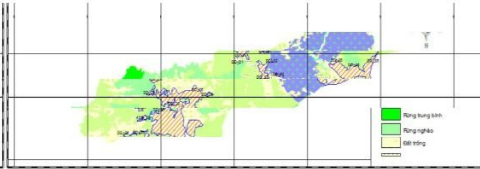
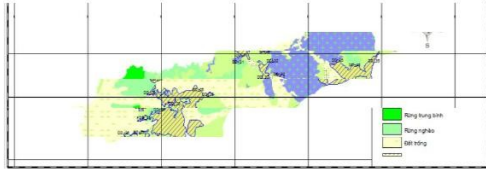
Hình 7. Rừng phục hồi theo chương trình 661



Hình 8. Rừng gần làng bản được phục hồi tốt sau

Kết quả nghiên cứu tại 40 xã và khảo sát cho phép xác định chính xác số lượng và các

đã tiến hành xây dựng bản đồ mất rừng các xã các khu vực mất rừng.



Bản đồ phân bố rừng theo địa điểm nghiên cứu (theo xã) năm 2010

Kết quả nghiên cứu cho thấy ở xã Long Sơn, (1) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ), (2) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ), (3) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ), (4) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ). Thiếu đất canh tác và (4) do quy hoạch ba loại tích đất lâm nghiệp có phân bố rải rác và ngoài phần tích đất cao su vào năm 2000 của huyện đã phân chia tích rừng nghèo, rừng với mực nước biển sang trồng cây cao su và

Mường Nhé, (2) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ), (3) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ), (4) rừng bị chặt (chủ yếu là cây gỗ lớn và gỗ nhỏ). trực tiếp ảnh hưởng đến tài nguyên rừng quan trọng có tác động lớn đến nguyên nhân cho thấy các nguyên nhân đầu ra (giáo dục) có mặt ở hầu hết các huyện trong toàn tỉnh nguyên nhân này như tại khu vực mất rừng

